TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HOÀ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 203/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 - 2018
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Lin.
2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 910/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 264/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự**:**

Nguyên đơn: Chị T, sinh năm: 1990
Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Ấp Z, xã X, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
Bị đơn**:** Anh L, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: Ấp Z, xã X, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
(Chị T và anh L đều xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 06/8/2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị T trình bày: Chị T và anh L chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh L.

Về con chung: Có 01 con chung tên H, sinh ngày 24/10/2017 hiện chị T đang nuôi. Khi ly hôn, chị T xin được quyền tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh anh L, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh L không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của anh L về việc giải quyết vụ án. Ngược lại, anh L xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, bị đơn anh L có hộ khẩu thường trú tại ấp Z, xã X, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[1.2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị T và bị đơn anh L đều xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T và anh L chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được nên chị T tha thiết xin được ly hôn với anh L. Ngược lại, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án dự hòa giải đoàn tụ cũng như không tham dự phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, chị T yêu cầu được xin ly hôn với anh L là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T khai, vợ chồng chung sống có 01 con chung tên H, sinh ngày 24/10/2017 hiện chị T đang nuôi. Khi ly hôn, chị T xin được quyền tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Ngược lại, anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Ngược lại, anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Ngược lại, anh L đã được triệu

tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn với anh L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T được quyền nuôi con chung tên H, sinh ngày 24/10/2017 hiện chị T đang nuôi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, chị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh L có quyền xin thay đổi quyền nuôi con.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sung sơ thẩm công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 3021 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Chị T đã thi hành xong.

Án này là sơ thẩm, chị T và anh L vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã C
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp